

Mẫu số: D24-THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 04/2023/TT-BTP
ngày 14/8/2023 của Bộ Tư pháp)

CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
TỈNH LÂM ĐỒNG
CHI CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
HUYỆN ĐẠ HUOAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 201./TB-THADS

Đạ Huoai, ngày 25 tháng 04 năm 2025

THÔNG BÁO
Về kết quả lựa chọn tổ chức bán đấu giá

Căn cứ khoản 2 Điều 101 Luật Thi hành án dân sự;
Căn cứ Bản án, Quyết định số 16/2020/QĐST-DS ngày 21/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng;

Căn cứ Bản án, Quyết định số 07/2020/QĐST-DS ngày 10/06/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng;

Căn cứ Bản án, Quyết định số 08/2020/QĐST-DS ngày 10/06/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng;

Căn cứ Bản án, Quyết định số 06/2020/QĐST-DS ngày 09/06/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng;

Căn cứ Bản án, Quyết định số 02/2022/QĐST-DS ngày 28/03/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng;

Căn cứ Bản án, Quyết định số 18/2022/DS-PT ngày 21/03/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng;

Căn cứ Bản án, Quyết định số 01/2022/QĐST-DS ngày 14/03/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng;

Căn cứ Bản án, Quyết định số 34/2021/QĐ-PT ngày 09/12/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng;

Căn cứ Bản án, Quyết định số 33/2021/QĐ-PT ngày 09/12/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng;

Căn cứ Bản án, Quyết định số 32/2021/QĐ-PT ngày 09/12/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng;

Căn cứ Bản án, Quyết định số 04/2022/QĐST-DS ngày 22/06/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng;

Căn cứ Bản án, Quyết định số 07/2022/QĐST-DS ngày 14/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng;

Căn cứ Bản án, Quyết định số 04/2023/QĐ-PT ngày 24/02/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng;

Căn cứ Bản án, Quyết định số 147/2023/QĐ-PT ngày 16/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng;



Căn cứ Bản án, Quyết định số 12/2023/QĐST-DS ngày 24/11/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đa Huoai, tỉnh Lâm Đồng;

Căn cứ Bản án, Quyết định số 06/2023/QĐST-DS ngày 31/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đa Huoai, tỉnh Lâm Đồng;

Căn cứ Bản án, Quyết định số 07/2023/QĐST-DS ngày 31/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đa Huoai, tỉnh Lâm Đồng;

Căn cứ Quyết định thi hành án chủ động số: 127/QĐ-CCTHA ngày 26/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đa Huoai, tỉnh Lâm Đồng;

Căn cứ Quyết định thi hành án chủ động số: 14/QĐ-CCTHA ngày 10/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đa Huoai, tỉnh Lâm Đồng;

Căn cứ Quyết định thi hành theo đơn yêu cầu số: 43/QĐ-CCTHA ngày 05/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đa Huoai, tỉnh Lâm Đồng;

Căn cứ Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số: 220/QĐ-CCTHA ngày 06/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đa Huoai, tỉnh Lâm Đồng;

Căn cứ Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số: 219/QĐ-CCTHA ngày 06/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đa Huoai, tỉnh Lâm Đồng;

Căn cứ Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số: 192/QĐ-CCTHA ngày 10/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đa Huoai, tỉnh Lâm Đồng;

Căn cứ Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số: 91/QĐ-CCTHA ngày 12/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đa Huoai, tỉnh Lâm Đồng;

Căn cứ Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số: 129/QĐ-CCTHA ngày 26/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đa Huoai, tỉnh Lâm Đồng;

Căn cứ Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số: 138/QĐ-CCTHA ngày 11/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đa Huoai, tỉnh Lâm Đồng;

Căn cứ Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số: 163/QĐ-CCTHA ngày 08/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đa Huoai, tỉnh Lâm Đồng;

Căn cứ Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số: 164/QĐ-CCTHA ngày 12/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đa Huoai, tỉnh Lâm Đồng;

Căn cứ Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số: 185/QĐ-CCTHA ngày 20/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đa Huoai, tỉnh Lâm Đồng;

Căn cứ Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số: 268/QĐ-CCTHA ngày 29/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đa Huoai, tỉnh Lâm Đồng;

Căn cứ Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số: 33/QĐ-CCTHA ngày 20/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đa Huoai, tỉnh Lâm Đồng;

Căn cứ Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số: 151/QĐ-CCTHA ngày 22/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đa Huoai, tỉnh Lâm Đồng;

Căn cứ Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số: 01/QĐ-CCTHA ngày 02/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đa Huoai, tỉnh Lâm Đồng;

Căn cứ Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số: 303/QĐ-CCTHA ngày 23/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đa Huoai, tỉnh Lâm Đồng;

Căn cứ Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số: 321/QĐ-CCTHA ngày 06/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đa Huoai, tỉnh Lâm Đồng;

Căn cứ Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số: 111/QĐ-CCTHA ngày 08/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đa Huoai, tỉnh Lâm Đồng;

Căn cứ Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số: 18/QĐ-CCTHA ngày 05/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đa Huoai, tỉnh Lâm Đồng;

Căn cứ Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số: 99/QĐ-CCTHA ngày 29/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đa Huoai, tỉnh Lâm Đồng;

Căn cứ Quyết định cưỡng chế thi hành án số 09/QĐ-CCTHADS ngày 12 tháng 8 năm 2024 của Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đa Huoai, tỉnh Lâm Đồng;

Căn cứ Biên bản về việc kê biên, xử lý tài sản ngày 12/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đa Huoai, tỉnh Lâm Đồng;

Căn cứ kết quả thẩm định giá ngày 10 tháng 12 năm 2024 của Công ty cổ phần thẩm định giá Đông Á;

Căn cứ kết quả đánh giá, chấm điểm tổ chức bán đấu giá tài sản tại thông báo kết quả lựa chọn tổ chức bán đấu giá tài sản ngày 23/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đa Huoai;

Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đa Huoai lựa chọn: Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Lâm Đồng; địa chỉ: 52 Phan Đình Phùng, phường 1, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Đề ký hợp đồng dịch vụ bán đấu giá tài sản các tài sản đã kê biên sau:

1. Đất và tài sản trên đất đối với quyền sử dụng đất số BC 904373 được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Đa Huoai đính chính quyền sử dụng ngày 20/6/2018 cho ông Nguyễn Khắc Thuận, bà Đào Thị Hồng Minh đối với thửa đất số 1711 thuộc tờ bản đồ số 8, có địa chỉ tại xã Madaguôi, huyện Đa Huoai, tỉnh Lâm Đồng, có tổng diện tích trên giấy chứng nhận 3.536m^2 (trong đó có 200m^2 đất ONT và 3.336m^2 đất LUK). Theo họa đồ đo đạc thực tế ngày 05/01/2024 và ngày 11/06/2024 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thì có tổng diện tích thực tế 3.395m^2 , trong đó có 200m^2 đất ONT.

2. Đất và tài sản trên đất đối với quyền sử dụng đất số G 261294 được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Đa Huoai đính chính quyền sử dụng đất ngày 29/8/2019 cho ông Nguyễn Khắc Thuận đối với thửa đất số 585,586,587,590,591,592 thuộc tờ bản đồ số 8, có địa chỉ tại xã Madaguôi, huyện Đa Huoai, tỉnh Lâm Đồng, có tổng diện tích trên giấy chứng nhận 1.776m^2 đất L. Theo họa đồ đo đạc thực tế ngày 05/01/2024 và ngày 11/06/2024 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Đa Huoai thì có tổng diện tích 1.750m^2 đất LUK.

3. Đất và tài sản trên đất đối với quyền sử dụng đất số AĐ 982652 được Chi



nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Đạ Huoai đình chính quyền sử dụng ngày 29/8/2019 cho ông Nguyễn Khắc Thuận đối với thửa đất số 523 thuộc tờ bản đồ số 8, có địa chỉ tại xã Madaguôi, huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng, có tổng diện tích trên giấy chứng nhận 6265m² đất LUA. Theo họa đồ đo đạc thực tế ngày 05/01/2024 và ngày 11/06/2024 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Đạ Huoai thì tổng diện tích thực tế 5.834m² đất LUK.

4. Đất và tài sản trên đất đối với quyền sử dụng đất số AĐ 982653 được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Đạ Huoai đình chính quyền sử dụng ngày 29/8/2019 cho ông Nguyễn Khắc Thuận đối với thửa đất số 510 thuộc tờ bản đồ số 8, có địa chỉ tại xã Madaguôi, huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng, có tổng diện tích trên giấy chứng nhận 1.908m² đất LUA. Theo họa đồ đo đạc thực tế ngày 05/01/2024 và ngày 11/06/2024 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Đạ Huoai thì có tổng diện tích thực tế 1.909m² đất LUK.

5. Đất và tài sản trên đất gồm toàn bộ nhà ở, cây trồng gắn liền với đất thuộc quyền sử dụng đất số AĐ 982654 được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Đạ Huoai đình chính quyền sử dụng ngày 29/8/2019 cho ông Nguyễn Khắc Thuận đối với thửa đất số 505 thuộc tờ bản đồ số 8, có địa chỉ tại xã Madaguôi, huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng, có tổng diện tích trên giấy chứng nhận 5.424m² (trong đó có 400m² đất ONT và 5.024m² đất CLN. Theo họa đồ đo đạc thực tế ngày 05/01/2024 và ngày 11/06/2024 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Đạ Huoai thì tổng diện tích thực tế 5.327m² (trong đó có 400m² đất ONT và 4.927m² đất CLN).

Vậy, thông báo để các bên đượng sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan biết./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đạ Huoai;
- Công TTĐT quốc gia về đầu giá tài sản;
- Trang TTĐT Cục THADS tỉnh Lâm Đồng;
- Lưu: VT, HSTHA.



CHẤP HÀNH VIÊN

Lê Thị Tú

CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
TỈNH LÂM ĐỒNG
CHI CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
HUYỆN ĐẠ HUOAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đạ Huoai, ngày 23 tháng 04 năm 2025

THÔNG BÁO KẾT QUẢ LỰA CHỌN TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ TÀI SẢN

I. KẾT QUẢ LỰA CHỌN

- Tên, địa chỉ tổ chức đấu giá tài sản được lựa chọn: Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Lâm Đồng
- Tổng số điểm của tổ chức đấu giá tài sản được lựa chọn: 89 điểm
- Tổ chức đấu giá tài sản bị từ chối xem xét, đánh giá hồ sơ kèm theo lý do từ chối (nếu có):

II. KẾT QUẢ CHẤM ĐIỂM: Theo thông báo số 166/TB-CCTHADS ngày 08/04/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng; hồ sơ vụ: Ông Nguyễn Khắc Thuận, bà Đào Thị Hồng Minh; địa chỉ: Tổ dân phố 2, thị trấn Madaguôi, huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng

TT	NỘI DUNG	Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Lâm Đồng	MỨC TỐI ĐA
I	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá	22	23
1	Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá	11	11
1.1	Có trụ sở ổn định, địa chỉ rõ ràng kèm theo thông tin liên hệ (số điện thoại, fax, địa chỉ thư điện tử...)	6	6
1.2	Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá được bố trí ở vị trí công khai, thuận tiện	5	5
2	Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá	8	8
2.1	Có máy in, máy vi tính, máy chiếu, thùng đựng phiếu trả giá bảo đảm an toàn, bảo mật và các phương tiện khác bảo đảm cho việc đấu giá	4	4
2.2	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá; nơi tổ chức cuộc đấu giá	4	4
3	Có trang thông tin điện tử đang hoạt động	2	2
4	Đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến	0	1
5	Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá	1	1
II	Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)	22	22
1	Phương án đấu giá đề xuất việc tổ chức đấu giá đúng quy định của pháp luật, bảo đảm tính công khai, minh bạch, khách quan	4	4
2	Phương án đấu giá đề xuất thời gian, địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá, buổi công bố giá thuận lợi cho người tham gia đấu giá; hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao	4	4

3	Phương án đấu giá đề xuất cách thức bảo mật thông tin, chống thông đồng, dìm giá	4	4
4	Phương án đấu giá đề xuất thêm các địa điểm, hình thức niêm yết, thông báo công khai khác nhằm tăng mức độ phổ biến thông tin đấu giá	4	4
5	Phương án đấu giá đề xuất giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh trật tự cho việc tổ chức thực hiện đấu giá	3	3
6	Phương án đấu giá đề xuất các giải pháp giải quyết các tình huống phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện việc đấu giá	3	3
III	Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản	37	45
1	Trong năm trước liền kề đã thực hiện hợp đồng dịch vụ đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1.1, 1.2, 1.3, 1.4 hoặc 1.5	6	6
1.1	Dưới 03 hợp đồng (bao gồm trường hợp không thực hiện hợp đồng nào)		2
1.2	Từ 03 hợp đồng đến dưới 10 hợp đồng		3
1.3	Từ 10 hợp đồng đến dưới 20 hợp đồng		4
1.4	Từ 20 hợp đồng đến dưới 30 hợp đồng		5
1.5	Từ 30 hợp đồng trở lên	6	6
2	Trong năm trước liền kề đã tổ chức đấu giá thành các cuộc đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá có mức chênh lệch trung bình giữa giá trúng đấu giá so với giá khởi điểm (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 2.1, 2.2, 2.3, 2.4 hoặc 2.5	10	18
2.1	Dưới 20% (bao gồm trường hợp không có chênh lệch)	10	10
2.2	Từ 20% đến dưới 40%		12
2.3	Từ 40% đến dưới 70%		14
2.4	Từ 70% đến dưới 100%		16
2.5	Từ 100% trở lên		18
3	Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 3.1, 3.2 hoặc 3.3	5	5
3.1	Dưới 03 năm		3
3.2	Từ 03 năm đến dưới 05 năm		4
3.3	Từ 05 năm trở lên	5	5
4	Số lượng đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 4.1, 4.2 hoặc 4.3	3	3
4.1	01 đấu giá viên		1
4.2	Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên		2
4.3	Từ 05 đấu giá viên trở lên	3	3
5	Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật Đấu giá tài sản) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 5.1, 5.2 hoặc 5.3	4	4
5.1	Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên		2
5.2	Từ 01 đến 02 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên		3

5.3	Từ 03 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên	4	4
6	Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc đóng góp vào ngân sách Nhà nước trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng	5	5
	Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 6.1, 6.2, 6.3 hoặc 6.4		
6.1	Dưới 50 triệu đồng		2
6.2	Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng		3
6.3	Từ 100 triệu đồng đến dưới 200 triệu đồng		4
6.4	Từ 200 triệu đồng trở lên	5	5
7	Đội ngũ nhân viên làm việc theo hợp đồng lao động	3	3
	Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 7.1 hoặc 7.2		
7.1	Dưới 03 nhân viên (bao gồm trường hợp không có nhân viên nào)		2
7.2	Từ 03 nhân viên trở lên	3	3
8	Có người tập sự hành nghề trong tổ chức đấu giá tài sản trong năm trước liền kề hoặc năm nộp hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn	1	1
IV	Thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp	3	5
	Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1, 2 hoặc 3		
1	Bằng mức thù lao dịch vụ đấu giá theo quy định của Bộ Tài chính	3	3
2	Giảm dưới 20% mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)		4
3	Giảm từ 20% trở lên mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)		5
V	Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định	5	5
Tổng số điểm		89	100



CHẤP HÀNH VIÊN

Lê Thị Tú